

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đông.

2. Bà Trần Thúy Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 9, thôn 9, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 10 (nay là ấp 5), xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 9, thôn 9, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 10 (nay là ấp 5), xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2022 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay, nhưng do việc am hiểu pháp luật còn hạn chế nên chị và anh H không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Chị và anh H đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thuận hòa, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Dương Hồng Q, sinh ngày 13/7/1998; Dương Quốc C, sinh ngày 28/3/1996 và Dương Đức M, sinh ngày 28/8/2006. Do cháu Q và cháu C đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn H: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 100/TB-TLVA ngày 20 tháng 4 năm 2022 cho anh H nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Dương Văn H không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh H không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Dương Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên Dương Hồng Q, sinh ngày 13/7/1998, Dương Quốc C, sinh ngày 28/3/1996 và Dương Đức M, sinh ngày 28/8/2006. Đối với con chung tên Q và C đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu M hiện đang sống cùng chị T được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, chị T có thu nhập ổn định, đạo đức tốt. Vì vậy cần giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Dương Văn H hiện cư trú tại ấp 5, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn; anh Dương Văn H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn H và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng anh H vắng mặt mà không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến thời điểm hiện nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng giữa chị T anh H phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Chị T không còn tình cảm với anh H và vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Chị T và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn và theo Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1*

Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”. Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Dương Văn H.

[6] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên là Dương Hồng Q, sinh ngày 13/7/1998; Dương Quốc C, sinh ngày 28/3/1996 và Dương Đức M, sinh ngày 28/8/2006. Do cháu Q và cháu C đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện cháu M đang do chị T nuôi dưỡng, cháu M phát triển bình thường, khỏe M, chị T có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của con chung, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Dương Văn H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Dương Đức M, sinh ngày 28/8/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp (biên lai số 0003530 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ) được miễn trừ qua án phí. Chị T đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Viễn